

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG NĂNG
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 54/2022/HS-ST
Ngày: 20/9/2022

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG NĂNG, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Thị Ngọc.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Bùi Văn Liên.

2. Bà Nguyễn Thị Kim Anh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nông Thị Thu Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Năng tham gia phiên tòa:
Ông Y Muôn Niê - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Năng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 48/2022/TLST-HS ngày 30 tháng 8 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 55/2022/QĐXXST-HS ngày 31 tháng 8 năm 2022 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Hoàng Văn T.**

Sinh ngày: 04/01/1991, tại tỉnh Đ.

Nơi cư trú: Thôn T, xã E, huyện K, tỉnh Đ; Nghề nghiệp: Không nghề nghiệp;
Trình độ học vấn: 07/12; Dân tộc: Tày; Con ông Hoàng Văn N (sinh 1960), con bà Hoàng Thị Q (sinh 1961); Bị cáo có vợ là Hoàng Thị P (sinh 1987, đã ly hôn); Có 02 con, con lớn sinh 2008, con nhỏ sinh 2010.

Tiền án: 02 Tiền án tại bản án số 16/2016/HS-ST, ngày 09/5/2016 của TAND huyện E, tỉnh Đ về tội “Trộm cắp tài sản” bị xử phạt 01 năm tù và tại bản án số 275/2016/HS-PT ngày 03/8/2016 của TAND tỉnh Đ về tội “Trộm cắp tài sản” bị xử phạt 02 năm 06 tháng tù. Ngày 18/01/2019 chấp hành xong hình phạt tù.

Tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp tạm giữ, tạm giam từ ngày 26/4/2022 cho đến nay
- Có mặt tại phiên tòa.

Người bị hại:

- Ông Hứa Văn C, sinh năm 1976. (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt);

- Ông Nguyễn Đăng Y, sinh năm 1965. (Vắng mặt);

- Anh Bé Xuân T, sinh năm 1990. (Vắng mặt);

- Anh Bé Ích Q, sinh năm 1988. (Vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Thôn L, xã P, huyện K, tỉnh Đ.

- Anh Hoàng Ngọc A, sinh năm 2004 (Vắng mặt);

Người đại diện hợp pháp của người bị hại anh Hoàng Ngọc A: Ông Hoàng Văn V, sinh năm 1984. (Vắng mặt);

Địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện K, tỉnh Đ.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Anh Thân Kim C, sinh năm 2004. (Vắng mặt);

Người đại diện hợp pháp cho anh Thân Kim C: Ông Thân Văn H (Vắng mặt);
Cùng địa chỉ: Thôn E, xã Đ, huyện K, tỉnh Đ.

- Ông Hoàng Văn V, sinh năm 1984. (Vắng mặt);

Địa chỉ: Thôn T, xã D, huyện K, tỉnh Đ.

- Bà Bé Thị K, sinh năm 1977. (Vắng mặt);

- Bà Đinh Thị Ngọc Y. (Vắng mặt);

Địa chỉ: Thôn L, xã P, huyện K, tỉnh Đ.

Người làm chứng:

- Ông Hoàng Văn N (sinh năm 1960) và bà Phạm Thị Q (sinh năm 1961).
(Đều vắng mặt).

Địa chỉ: Tiểu khu 249, xã E, huyện E, tỉnh Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong khoảng thời gian từ tháng 10 năm 2021 đến tháng 01 năm 2022, Hoàng Văn T đã thực hiện 05 vụ trộm cắp tài sản tại thôn L, xã P, huyện K, tỉnh Đ, cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Khoảng 10 giờ ngày 20/10/2021 Hoàng Văn T đi bộ đến quán tạp hóa của gia đình bà Đinh Thị Ngọc Y. Thành thấy chiếc xe mô tô biển số 47AB-352.61 nhãn hiệu Lifan, loại xe 50CC, màu trắng xanh để ở trước quán, T lén lút đi vào rồi dắt xe ra đường bê tông ngồi lên xe thả trôi xuống hết dốc rồi dừng lại. T tháo dây điện ổ khóa, nổ máy xe định điều khiển xe chạy đi nhưng xe bị kẹt thắng và tuốt xích không chạy được, nên T đẩy xe bỏ vào vườn cà phê và đi bộ về.

Vụ thứ 2: Khoảng 03 giờ ngày 31/10/2021, Hoàng Văn T đi bộ đến nhà ông Hứa Văn C thấy đèn nhà đã tắt, T lén lút đột nhập vào hiên nhà lấy trộm chiếc xe mô tô biển kiểm soát 47N9-6523, nhãn hiệu GABON màu nâu. T dắt xe ra đường cách nhà ông C khoảng 50m rồi dừng lại tháo dây điện ổ khóa, nổ máy điều khiển xe chạy. T tháo biển số cũ ra, gắn biển số 93F9 - 9107 vào để sử dụng làm phương tiện đi lại.

Vụ thứ 3: Vào khoảng 09 giờ một ngày trong tháng 11 năm 2021, Hoàng Văn T điều khiển xe mô tô gắn biển số 93F9 - 9107 đến một nhà dân không có người ở tại thôn L, xã P, huyện K và đậu xe ở đó. Sau đó, T đột nhập vào vườn cà phê của ông Bé Xuân T hái trộm cà phê quả tươi. Sau khi hái đầy hai bao màu xanh cà phê quả tươi, T vác lên xe rồi điều khiển chở đến ngã tư thôn E, xã Đ bán.

Vụ thứ 4: Khoảng 09 giờ ngày 13/12/2021, thấy vườn gừng của ông Nguyễn Đăng Y không có người trông coi, Hoàng Văn T vào vườn và dùng tay nhổ cây lên và tách lấy củ bỏ đầy củ gừng tươi vào hai bao màu xanh mang theo. Sau đó dùng xe chở hai bao gừng đến ngã ba thôn T, xã E bán.

Vụ thứ 5: Khoảng 10 giờ ngày 20/01/2022, Hoàng Văn T điều khiển xe mô tô gắn biển số 93F9 – 9107 đến thôn L, xã, huyện K. Khi đi đến nhà anh Bé Ích Q, thấy trong sân nhà có phơi quả cà phê khô. T dắt xe vào vườn cà phê rồi đi bộ đến sân dùng tay tháo lưới B40 của tường rào, rồi vào sân phơi xúc đầy 02 bao cà phê quả khô, sau đó vác 02 bao cà phê ra chỗ giấu xe và chở đến bán cho đại lý thu mua nông sản tại xã Đ.

Tại kết luận định giá tài sản số 09/BB-HĐĐGTS ngày 06/4/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng huyện K kết luận: Tại thời điểm ngày 31/10/2021 xe mô tô biển kiểm soát 47N9-6523, nhãn hiệu GABON màu nâu, số máy P50FMG000676, số khung G2UM7XJ00676 trị giá là 1.500.000đ.

Tại kết luận định giá tài sản số 21/KL-HĐĐGTS ngày 20/6/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng huyện K, kết luận:

Tại thời điểm ngày 21/10/2021 xe mô tô biển số 47AB -352.61, màu trắng xanh, số máy MBLISE010622, số khung B6UME1010622 trị giá 4.000.000đ;

Tại thời điểm tháng 11/2021: 100kg quả cà phê tươi trị giá 624.000đ;

Tại thời điểm ngày 13/12/2021: 91kg củ gừng tươi trị giá 546.000đ;

Tại thời điểm ngày 20/01/2022: 94kg cà phê quả khô trị giá 2.632.000đ;

Thiệt hại được xác định là 9.302.000đ (Chín triệu ba trăm lẻ hai nghìn đồng).

Vật chứng vụ án đã thu giữ: 01 xe mô tô biển kiểm soát 47N9-6523, nhãn hiệu GABON màu nâu, số máy P50FMG000676, số khung G2UM7XJ00676; 01 xe mô tô biển số 47AB -352.61, màu trắng xanh, số máy MBLISE010622, số khung B6UME1010622.

Bản cáo trạng số 39/CT-VKS ngày 11 tháng 7 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Đ truy tố bị cáo Hoàng Văn T về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm b khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Kết quả xét hỏi tại phiên tòa, bị cáo Hoàng Văn T khai nhận về hành vi của mình phù hợp như nội dung kết luận điều tra và bản cáo trạng đã truy tố bị cáo.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và giữ nguyên quyết định truy tố. Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về trách nhiệm hình sự: Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 173; điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS: Xử phạt bị cáo Hoàng Văn T mức hình phạt từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù.

- Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Công nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả cho ông Hứa Văn C 01 xe mô tô biển kiểm soát 47N9-6523, nhãn hiệu GABON màu nâu, số máy P50FMG000676, số khung G2UM7XJ00676; và anh Hoàng Ngọc A 01 xe mô tô biển số 47AB -352.61 nhãn hiệu Lifan, loại xe 50cc, màu trắng xanh, số máy MBLISE010622, số khung B6UME1010622

Về trách nhiệm dân sự: Các bị hại ông Hứa Văn C, anh Hoàng Ngọc A, anh Bé Xuân T, ông Nguyễn Đăng Y và anh Bé Ích Q không yêu cầu bồi thường.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận về tội danh và mức hình phạt, chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện K và Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện K và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét lời khai nhận tội của bị cáo Hoàng Văn T tại phiên tòa hôm nay phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của những người tham gia tố tụng khác và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án. Trong khoảng thời gian từ tháng 10 năm 2021 đến tháng 01 năm 2022 bị cáo đã liên tiếp thực hiện 05 vụ trộm cắp tài sản tại thôn L, xã P gây thiệt hại 9.302.000đ cho các bị hại. Bị cáo Hoàng Văn T có 02 tiền án về tội “Trộm cắp tài sản” chưa được xóa án tích nay lại tiếp tục thực hiện 05 vụ trộm cắp. Trong đó có 03 vụ tài sản chiếm đoạt đủ định lượng truy cứu trách nhiệm hình sự và lấy kết quả của việc trộm cắp làm nguồn sinh sống chính. Vì vậy hành vi phạm tội của bị cáo đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản”, và thuộc trường hợp phạm tội có tính chất chuyên nghiệp. Tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự quy định:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

...

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây thì phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

...

b) Có tính chất chuyên nghiệp”.

[3] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội không những đã xâm phạm đến chế độ sở hữu tài sản hợp pháp của công dân, gây thiệt hại về tài sản cho các bị hại, mà còn gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an tại địa phương. Bị cáo có đầy đủ khả năng nhận thức pháp luật để biết hành vi trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vì lười lao động, không có nghề nghiệp ổn định, thiếu ý thức rèn luyện. Lợi dụng sự sơ hở và thiếu cảnh giác của các bị hại trong việc quản lý tài sản, bị cáo đã thực hiện liên tiếp 05 vụ trộm cắp tài sản, chiếm đoạt của các bị hại số tiền 9.302.000đ. Do vậy, cần xử phạt bị cáo một mức án nghiêm khắc tương xứng với hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra.

[4] Xét tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành

khẩn khai báo, phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn được quy định tại điểm h, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5] Xét tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo đã có tiền án chưa được xóa án tích nhưng lại tiếp tục trộm cắp tài sản nhiều lần. Vì vậy, bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự phạm tội 02 lần trở lên và tái phạm qui định tại điểm g, h khoản 1 Điều 52 BLHS.

[6] Với tính chất hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy cần phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định mới đủ tác dụng giáo dục, răn đe đối với bị cáo và phòng ngừa chung trong toàn xã hội.

[7] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về tội danh, hình phạt, trách nhiệm dân sự đối với bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật nên cần chấp nhận.

[8] Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 46, khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Công nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả cho ông Hứa Văn C 01 xe mô tô biển kiểm soát 47N9-6523, nhãn hiệu GABON màu nâu, số máy P50FMG000676, số khung G2UM7XJ00676. và anh Hoàng Ngọc A 01 xe mô tô biển số 47AB -352.61 nhãn hiệu Lifan, loại xe 50cc, màu trắng xanh, số máy MBLISE010622, số khung B6UME1010622.

Công nhận cơ quan cảnh sát điều tra đã tịch thu tiêu hủy 01 biển số xe mô tô biển kiểm soát 93F9 – 9107 là công cụ phạm tội, không còn giá trị sử dụng.

[9] Về trách nhiệm dân sự: Các bị hại ông Hứa Văn C, anh Hoàng Ngọc A, anh Bé Xuân T, ông Nguyễn Đăng Y và anh Bé Ích Q không yêu cầu bồi thường. Nên HĐXX không đặt ra xem xét.

[10] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Hoàng Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 173; điểm h, s khoản 1, Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52 BLHS:

Xử phạt bị cáo Hoàng Văn T 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam (ngày 26/4/2022).

- *Về xử lý vật chứng:* Áp dụng khoản 1 Điều 46, khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Công nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện K, tỉnh Đ đã trả lại cho ông Hứa Văn C 01 xe mô tô biển kiểm soát 47N9-6523, nhãn hiệu GABON màu nâu, số máy P50FMG000676, số khung G2UM7XJ00676. Và trả lại cho anh Hoàng Ngọc A 01 xe mô tô biển số 47AB -352.61 nhãn hiệu Lifan, loại xe 50cc, màu trắng xanh, số máy MBLISE010622, số khung B6UME1010622.

Công nhận Cơ quan cảnh sát điều tra đã tịch thu tiêu hủy 01 biển số xe mô tô biển kiểm soát 93F9 – 9107 là công cụ phạm tội, không còn giá trị sử dụng.

- *Về án phí:* Áp dụng khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Áp dụng khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày

30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Hoàng Văn T chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- Sở tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Krông Năng;
- Công an huyện Krông Năng;
- Chi cục T.H.A.D.S huyện Krông Năng;
- Bị cáo, các đương sự;
- Thi hành án phạt tù;
- Lưu hồ sơ vụ án, VPCQ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lương Thị Ngọc